

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4366**/UBND-NC
V/v trình Ban Thường vụ
Tỉnh ủy cho ý kiến về dự
thảo Nghị quyết của Hội
đồng nhân dân tỉnh

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh

Căn cứ Quy chế làm việc số 48-QC/TU ngày 03/02/2025 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 207/TTr-SNV ngày 20/6/2025 về việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi (*viết tắt là dự thảo Nghị quyết*); ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh đối với nội dung dự thảo Nghị quyết. Căn cứ Quy chế làm việc, UBND tỉnh kính trình Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh xem xét, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về nội dung dự thảo Nghị quyết nêu trên.

(*Có dự thảo văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết kèm theo*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Vi1065).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

[Signature]
Trần Hoàng Tuấn

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Số: -CV/ĐU
Về việc cho ý kiến về dự thảo Nghị
quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

DỰ THẢO

Căn cứ Quy chế làm việc số 48-QC/TU ngày 03/02/2025 của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh kính báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;
- Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán

kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến và Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Theo đó, nhiệm vụ đề ra cần xây dựng chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ đến công tác và làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi (ngoài chính sách của Trung ương) và chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi thuộc đối tượng của Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Trước đây, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 quy định chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 481/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được cử đi đào tạo trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hiện nay các chính sách này đã hết hiệu lực¹ và việc thu hút sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ tại tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*thay thế Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ*); tuy nhiên, tiêu chuẩn áp dụng chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ theo quy định tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP còn cao, rất khó để thu hút được những nhân tài về tỉnh công tác, đến nay tỉnh Quảng Ngãi mới tuyển dụng thu hút được 11 trường hợp (02 công chức khối Đảng, 09 công chức, viên chức khối Nhà nước) theo chính sách thu hút của Chính phủ.

¹ Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 10/10/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi bãi bỏ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định 475/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2016.

Do đó, để triển khai thực hiện Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XX cần phải ban hành Nghị quyết HĐND tỉnh về hỗ trợ cho công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định: “*Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung chính sách hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng vào làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.*”.

Tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp trước khi ra quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.*”.

Tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 21 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định HĐND cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để quy định “*Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*” và “*biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

Từ các quy định nêu trên và từ thực tiễn việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi là đúng thẩm quyền và thật sự cần thiết.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phân công xây dựng dự thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã có Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 21/3/2025 đề nghị xây dựng Nghị quyết và đã được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 48/HĐND-PC ngày 31/3/2025.

UBND tỉnh đã có Công văn số 1882/UBND-NC ngày 08/4/2025 phân công Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

2. Soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết

Thực hiện sự phân công của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có Công văn số 426/SNV-CCVC ngày 03/4/2025 gửi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo quy định. Hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Nội vụ đã nhận được 19 văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Ngoài ra, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi đã phối hợp Sở Nội vụ tỉnh Kon Tum lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Kon Tum.

Các ý kiến này đã được Sở Nội vụ nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

3. Thẩm định dự thảo Nghị quyết

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia, góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, Sở Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định về thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết tại Báo cáo thẩm định số 121/BC-STP ngày 19/5/2025; Sở Nội vụ đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định và đã trình dự thảo Nghị quyết cho Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 162/TTr-SNV ngày 29/5/2025. Dự thảo Nghị quyết đã được các Ủy viên UBND tỉnh thảo luận và nhất trí thông qua.

III. TÊN GỌI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi của Nghị quyết: Về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi gồm có 04 Chương và 11 Điều, cụ thể:

Chương I. Quy định chung, gồm có 02 Điều.

Chương II. Hỗ trợ thu hút, gồm có 02 Điều.

Chương III. Hỗ trợ đào tạo sau đại học, gồm có 04 Điều.

Chương IV. Tổ chức thực hiện, gồm 03 Điều.

3. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết

3.1. Phạm vi điều chỉnh

a) Hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút vào làm việc trong các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã; cơ quan, tổ chức nhà nước cấp tỉnh, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh); hỗ trợ cho công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP hoặc đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP đang công tác ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

b) Hỗ trợ đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (sau đây viết tắt là cán bộ) được tuyển chọn cử đi đào tạo tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước và thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.

3.2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của chính sách thu hút

- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị ngành y tế).

- Công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP hoặc đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP đang công tác ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút.

Đối tượng áp dụng của chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp xã dưới 40 tuổi; cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp xã dưới 35 tuổi.

- Cán bộ cấp xã giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cán bộ cấp xã được quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân dưới 35 tuổi.

- Công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học.

- Chính sách này không áp dụng đối với

+ Các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo toàn phần từ các đề án, chương trình đào tạo của các bộ, ngành Trung ương.

+ Đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực (trừ các trường hợp đã được Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương cử đi đào tạo sau đại học đối với đối tượng được áp dụng theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến đang trong thời gian đào tạo và chưa được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định).

3.3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

a) Về mức hỗ trợ thu hút

- Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng vào làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh được **hỗ trợ thêm hàng tháng** với mức hỗ trợ **2,34 triệu đồng**. Thời gian hưởng **không quá 05 năm** kể từ ngày có quyết định tuyển dụng.

- Công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP hoặc đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP đang công tác ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực được **hỗ trợ thêm hàng tháng** với mức hỗ trợ **2,34 triệu đồng**. Thời gian hưởng **không quá 05 năm** kể từ ngày có quyết định tiếp nhận.

b) Về hỗ trợ đào tạo sau đại học

Về mức hỗ trợ đào tạo sau đại học

- Cán bộ được tuyển chọn và cử đi đào tạo tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước hoặc thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp được hỗ trợ một lần bằng tiền với mức hỗ trợ như sau:

TT	Đào tạo	Mức hỗ trợ		
		Nhóm ngành Y được, Thể dục,	Nhóm ngành Khoa học tự	Nhóm ngành Khoa học xã hội (bao gồm

		Thể thao, Nghệ thuật	nhiên (bao gồm cả ngành sư phạm), kỹ thuật công nghệ, nông, lâm, thủy sản	cả ngành sư phạm), kinh tế, luật, khách sạn, du lịch và nhóm ngành khác
1	Tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước			
	Hỗ trợ chi phí học tập	350.000.000 đồng/khóa	193.000.000 đồng/khóa	191.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ thực hiện đề tài luận án tốt nghiệp	80.000.000 đồng/khóa	72.000.000 đồng/khóa	52.000.000 đồng/khóa
2	Tiến sĩ nước ngoài			
	Hỗ trợ chi phí học tập	2.500.000.000 đồng/khóa	2.000.000.000 đồng/khóa	1.500.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế bắt buộc	100.000.000 đồng/khóa	100.000.000 đồng/khóa	100.000.000 đồng/khóa
3	Thạc sĩ nước ngoài			
	Hỗ trợ chi phí học tập	1.250.000.000 đồng/khóa	1.000.000.000 đồng/khóa	750.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế bắt buộc	50.000.000 đồng/khóa	50.000.000 đồng/khóa	50.000.000 đồng/khóa

- Các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo một phần từ các đề án, chương trình đào tạo của các bộ, ngành Trung ương sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp được hỗ trợ 25% mức hỗ trợ quy định nêu trên.

- Các đối tượng tham gia chương trình liên kết đào tạo (thực hiện một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài), được cấp văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ quy định đối với thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài.

Điều kiện hỗ trợ: Được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học theo quy định.

Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo sau đại học

- Chấp hành nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; trường hợp đi đào tạo ở nước ngoài phải thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với cán bộ khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

- Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

+ Trường hợp tự ý bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ theo công thức quy định tại điểm b khoản này.

+ Kinh phí hoàn trả được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

S là kinh phí hoàn trả;

F là số tiền hỗ trợ;

T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi hoàn thành khóa đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn;

T2 là thời gian đã phục vụ sau khi hoàn thành khóa đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

- Điều kiện được giảm kinh phí hoàn trả

Mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% kinh phí hoàn trả. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% kinh phí hoàn trả.

+ Phương thức hoàn trả

Bộ phận tổ chức cán bộ (văn phòng) phối hợp với bộ phận tài chính – kế toán của cơ quan, đơn vị báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ và kiến nghị kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả theo quy định tại điểm a, b khoản này để Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, ban hành quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả.

Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả, đối tượng phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ có trách nhiệm nộp trả đầy đủ kinh phí hoàn trả cho cơ quan, đơn vị đã chi trả hỗ trợ.

Trường hợp không thống nhất kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả, các bên liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Khái toán kinh phí

Khái toán kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong

và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2025-2030 với tổng kinh phí là **18.784.960.000 đồng** (Mười tám tỷ bảy trăm tám mươi tư triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ thu hút: 6.654.960.000 đồng (Sáu tỷ sáu trăm năm mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Kinh phí hỗ trợ đào tạo sau đại học: 12.130.000.000 đồng (Mười hai tỷ một trăm ba mươi triệu đồng) (Có các phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 chi tiết kèm theo).

(có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đề Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh,
- Sở Nội vụ,
- Văn phòng UBND tỉnh,
- Lưu Ban TG và DV – VP Đảng ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

*

DANH MỤC NGÀNH, LĨNH VỰC CẦN THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO
GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Công văn số: -CV/ĐU ngày / /2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 01

Các ngành, lĩnh vực cần thu hút	Trình độ cần thu hút	Chuyên ngành cần thu hút	Số lượng	Hình thức thu hút	Năm đăng ký thu hút	Đối tượng (công chức hoặc viên chức)	Đơn vị	Vị trí việc làm dự kiến
I. TỈNH QUẢNG NGÃI								
Giáo dục và Đào tạo	Giáo sư	Ngữ văn	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Giáo sư	Toán	1	Tiếp nhận	2028	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Giáo sư	Ngôn ngữ Anh	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Giáo sư	Toán	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Phó Giáo sư	Ngôn ngữ Anh	1	Tiếp nhận	2026	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Phó Giáo sư	Giáo dục học (Mầm non)	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Phó Giáo sư	Vật lý	1	Tiếp nhận	2028	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Giáo dục Tiểu học	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh	1	Tiếp nhận	2026	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	2	Tiếp nhận	2026	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Giáo dục thể chất	1	Tiếp nhận	2026	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Giáo dục Mầm non	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Toán	2	Tiếp nhận	2028	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Giáo dục thể chất	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Toán	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Đại học trở lên	Toán học	1	Xét tuyển	2025	Viên chức	Sở GDĐT	Giáo viên
	Đại học trở lên	Toán học	1	Xét tuyển	2028	Viên chức	Sở GDĐT	Giáo viên
	Đại học trở lên	Sinh học	1	Xét tuyển	2026	Viên chức	Sở GDĐT	Giáo viên
	Đại học trở lên	Ngữ văn	1	Xét tuyển	2027	Viên chức	Sở GDĐT	Giáo viên
Khoa học, công nghệ và Thông tin, Truyền thông (gắn với đổi mới sáng tạo)	Giáo sư	Công nghệ thông tin	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Phó Giáo sư	Công nghệ thông tin	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	An toàn an ninh mạng	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Kỹ thuật Robot/ Trí tuệ nhân tạo	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Đại học trở lên	Kỹ thuật mạng hoặc an toàn thông tin	1	Xét tuyển	2025	Viên chức	Sở KHCN	An toàn thông tin
	Đại học trở lên	Quản trị hệ thống	2	Xét tuyển	2025	Viên chức	Sở KHCN	Công nghệ thông tin
	Đại học trở lên	Công nghệ phần mềm	1	Xét tuyển	2025	Viên chức	Sở KHCN	Công nghệ thông tin
	Đại học trở lên	Công nghệ thông tin	1	Xét tuyển	2026	Viên chức	Báo Quảng Ngãi	Viên chức về CNTT
	Đại học trở lên	Công nghệ thông tin	1	Tiếp nhận	2025	Công chức	Hội LHPN tỉnh	Chuyên viên về CNTT

Các ngành, lĩnh vực cần thu hút	Trình độ cần thu hút	Chuyên ngành cần thu hút	Số lượng	Hình thức thu hút	Năm đăng ký thu hút	Đối tượng (công chức hoặc viên chức)	Đơn vị	Vị trí việc làm dự kiến
	Đại học trở lên	Báo chí	1	Xét tuyển	2025	Viên chức	Hội Nhà báo tỉnh	Chuyên viên
Công nghệ cơ khí, chế tạo (công nghệ cao)	Giáo sư	Kỹ thuật Cơ khí	1	Tiếp nhận	2026	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Phó Giáo sư	Kỹ thuật Điện	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Kỹ thuật ô tô	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Kỹ thuật Ô tô	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Kỹ thuật Điện	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
Nông nghiệp	Đại học trở lên	Chuyên ngành về Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	Các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	Khuyến nông viên
	Đại học trở lên	Các chuyên ngành: Thú y, Chăn nuôi Thú y; Bệnh học Thủy sản, Nuôi trồng Thủy sản, Công nghệ sinh học	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	Các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	Chẩn đoán bệnh động vật
	Đại học trở lên	Chuyên ngành hoặc ngành: Nông học, Lâm nghiệp, Khoa học cây trồng, Trồng trọt	1	Tiếp nhận	2025	Viên chức	Các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	Kỹ thuật giống cây trồng vật nuôi
Văn hóa và Du lịch	Tiến sĩ	Du lịch hoặc Quan hệ công chúng hoặc Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Văn học Việt Nam hoặc Lý luận văn học hoặc Ngôn ngữ	2	Tiếp nhận	2028	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
Quản lý Nhà nước và xây dựng Đảng	Tiến sĩ	Triết học	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	Xét tuyển	2025	Viên chức	Trường Chính trị tỉnh	Giảng viên
	Tiến sĩ	Quản lý công	1	Tiếp nhận	2030	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Đại học trở lên	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Luật; Kinh tế học; Xã hội học; Báo chí và Truyền thông...	2	Xét tuyển hoặc tiếp nhận	2025	Công chức	Tỉnh đoàn	Chuyên viên về Công tác Đoàn thanh niên
	Đại học trở lên	Luật	1	Tiếp nhận	2025	Công chức	Hội LHPN tỉnh	Chuyên viên về Công tác Hội thanh niên
	Đại học trở lên	Luật	1	Tiếp nhận	2028	Công chức	Thanh tra tỉnh	Thanh tra viên
Kinh tế	Phó Giáo sư	Quản trị kinh doanh	1	Tiếp nhận	2029	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
	Tiến sĩ	Marketing hoặc Logistics hoặc Quản lý chuỗi cung ứng	1	Tiếp nhận	2027	Viên chức	ĐHPVĐ	Giảng viên
II. TỈNH KON TUM								
Giáo dục và Đào tạo	Đại học trở lên	Toán	1	Xét tuyển	2026	Viên chức	Sở GD&ĐT (Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành)	Giáo viên
	Đại học trở lên	Ngữ văn	1	Xét tuyển	2026	Viên chức		Giáo viên
	Đại học trở lên	Tin học	1	Xét tuyển	2026	Viên chức		Giáo viên
	Đại học trở lên	Vật lí	1	Xét tuyển	2027	Viên chức		Giáo viên
	Đại học trở lên	Hóa học	1	Xét tuyển	2027	Viên chức		Giáo viên
	Đại học trở lên	Tiếng Anh	1	Xét tuyển	2027	Viên chức		Giáo viên

Các ngành, lĩnh vực cần thu hút	Trình độ cần thu hút	Chuyên ngành cần thu hút	Số lượng	Hình thức thu hút	Năm đăng ký thu hút	Đối tượng (công chức hoặc viên chức)	Đơn vị	Vị trí việc làm dự kiến
Quản lý Nhà nước và xây dựng Đảng	Đại học trở lên	Luật	1	Xét tuyển	2028	Công chức	Tỉnh đoàn	Chuyên viên Ban Công tác Đoàn và thanh thiếu nhi
	Đại học trở lên	Công tác thanh thiếu niên	2	Xét tuyển	2030	Công chức	Tỉnh đoàn	
TỔNG CỘNG			63					

*

DANH MỤC NHU CẦU ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (TIỀN SĨ, CHUYÊN KHOA CẤP II TRONG NƯỚC, THẠC SĨ, TIỀN SĨ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2025-2030 CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐỀ ÁN 12-ĐA/TU NGÀY 07/9/2022 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Công văn số: -CV/ĐU ngày / /2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 02

Nhóm ngành	Chuyên ngành đào tạo	Đăng ký đi đào tạo trình độ	Đào tạo		Thời gian đào tạo	Năm đăng ký cử đi đào tạo	Năm dự kiến tốt nghiệp	Đơn vị
			Trong nước	Ngoài nước				
I. TỈNH QUẢNG NGÃI								
Nhóm ngành Khoa học xã hội	Triết học	Tiến sĩ	x		3 năm	2023 (đã cử đi đào tạo)	2026	Trường Chính trị tỉnh (đã được Thường trực Tỉnh ủy cử đi đào tạo theo Đề án 12)
	Lịch sử Việt Nam	Tiến sĩ	x		3 năm	2023 (đã cử đi đào tạo)	2026	Trường Chính trị tỉnh (đã được Thường trực Tỉnh ủy cử đi đào tạo theo Đề án 12)
	Chính sách công; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Thạc sĩ		x	2 năm	2026	2028	Văn phòng Tỉnh ủy
Nhóm ngành Kinh tế, Luật	Kinh tế phát triển	Tiến sĩ	x		4 năm	2025	2029	Trường Chính trị tỉnh
	Quản trị kinh doanh hoặc Luật	Thạc sĩ		x	2 năm	2026	2028	Văn phòng Tỉnh ủy
Nhóm ngành Y dược	Y tế công cộng	Tiến sĩ	x		5 năm	2025	2030	Trường CD Y tế Đặng Thùy Trâm
	Khoa học y sinh	Tiến sĩ	x		5 năm	2027	2032	Trường CD Y tế Đặng Thùy Trâm
II. TỈNH KON TUM								
Nhóm ngành Khoa học xã hội	Triết học	Tiến sĩ	x		5 năm	2025	2030	Trường Cao đẳng Kon Tum
	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Tiến sĩ	x		3 năm	2027	2030	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Kon Tum
Nhóm ngành Khoa học tự nhiên	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	Tiến sĩ	x		5 năm	2025	2030	Trường Cao đẳng Kon Tum
Nhóm ngành Y dược	CKII - Tai Mũi Họng	CKII	x		03 năm	2026	2028	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Da Liễu	CKII	x		03 năm	2026	2028	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII-Ngoại Chấn thương	CKII	x		03 năm	2026	2028	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII-Ung bướu	CKII	x		03 năm	2027	2029	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII-Ngoại Tổng quát	CKII	x		03 năm	2027	2029	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII - Nhi	CKII	x		03 năm	2028	2030	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Da Liễu	CKII	x		03 năm	2028	2030	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum

Nhóm ngành	Chuyên ngành đào tạo	Đăng ký đi đào tạo trình độ	Đào tạo		Thời gian đào tạo	Năm đăng ký cử đi đào tạo	Năm dự kiến tốt nghiệp	Đơn vị
			Trong nước	Ngoài nước				
Nhóm ngành Y được	CKII – Y học cổ truyền	CKII	x		03 năm	2028	2030	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII-Ngoại Chấn thương	CKII	x		03 năm	2029	2031	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Nội Tim mạch	CKII	x		03 năm	2029	2031	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Hồi sức cấp cứu	CKII	x		03 năm	2029	2031	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Lão khoa	CKII	x		03 năm	2030	2032	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	CKII – Nội tiết	CKII	x		03 năm	2030	2032	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
	Y học cổ truyền	Thạc sĩ		x	02 năm	2027	2029	Bệnh viện YDCT-PHCN tỉnh Kon Tum
	Y học cổ truyền	Thạc sĩ		x	02 năm	2027	2029	Bệnh viện YDCT-PHCN tỉnh Kon Tum
Tổng cộng			21	4				

KHAI TOÁN KINH PHÍ HÀNG NĂM ĐỂ THỰC HIỆN HỒ TRỢ THU HÚT GIAI ĐOẠN 2025-2030

(Kèm theo Công văn số: -CV/ĐU ngày / /2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 03

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT		Năm		Đối tượng										Ghi chú
				Công chức, viên chức theo nhu cầu tuyển dụng theo chính sách thu hút					Cán bộ, công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu tiếp nhận					
				Nhu cầu tuyển dụng	Số lượng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ hàng tháng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	Nhu cầu tiếp nhận	Số lượng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ hàng tháng	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí	
1	Năm 2025	9	9	2,34	12	252,72	10	10	2,34	12	280,80	533,52	Trường hợp tất cả các vị trí việc làm theo nhu cầu thu hút và tiếp nhận đều được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách thu hút	
2	Năm 2026	5	14	2,34	12	393,12	6	16	2,34	12	449,28	842,40		
3	Năm 2027	4	18	2,34	12	505,44	6	22	2,34	12	617,76	1.123,20		
4	Năm 2028	2	20	2,34	12	561,60	7	29	2,34	12	814,32	1.375,92		
5	Năm 2029		20	2,34	12	561,60	6	35	2,34	12	982,80	1.544,40		
6	Năm 2030	2	13	2,34	12	365,04	6	31	2,34	12	870,48	1.235,52		
TỔNG CỘNG		22				2.639,52	41				4.015,44	6.654,96		

Tổng cộng kinh phí hỗ trợ thu hút giai đoạn 2025-2030: Sáu tỷ sáu trăm năm mươi tư triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng./.

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

KHAI TOÀN KINH PHÍ HÀNG NĂM ĐÀO TẠO CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÃ ĐƯỢC THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY CHO CHỦ TRƯỞNG CỬ ĐI ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC THEO ĐỀ ÁN 12-ĐA/TU NGÀY 07/9/2022 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Công văn số: -CV/ĐU ngày / /2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 04

Đơn vị tính triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ hoặc chức danh hiện nay	Đơn vị công tác	Trình độ được cử đi đào tạo	Đào tạo		Thời gian đào tạo	Tên Cơ sở đào tạo	Nhóm ngành	Chuyên ngành đào tạo	Quyết định cử đi đào tạo	Dự kiến năm tốt nghiệp	Mức hỗ trợ sau tốt nghiệp
					Trong nước	Ngoài nước							
1	Đào Văn Quang	Phó Hiệu trưởng	Trường Chính trị tỉnh	Tiến sĩ	x		4 năm	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nhóm ngành Khoa học xã hội	Triết học	987-QĐ/TU ngày 07/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	2026	243
2	Trần Văn Dư	Phó Hiệu trưởng	Trường Chính trị tỉnh	Tiến sĩ	x		4 năm	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Nhóm ngành Khoa học xã hội	Lịch sử Đảng	1313-QĐ/TU ngày 15/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	2026	243
Tổng cộng													486

Tổng số tiền: Bốn trăm tám mươi sáu triệu đồng./.

ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KHAI TOÁN KINH PHÍ HÀNG NĂM ĐÀO TẠO THEO NHU CẦU ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC (TIẾN SĨ, CHUYÊN
KHOA CẤP II TRONG NƯỚC, THẠC SĨ, TIẾN SĨ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2025-2030 CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG THEO
QUY ĐỊNH TẠI ĐỀ ÁN 12-ĐA/TU NGÀY 07/9/2022 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

(Kèm theo Công văn số: -CV/ĐU ngày / /2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phụ lục 05

Đơn vị tính triệu đồng

T T	Đăng ký đi đào tạo trình độ	Đào tạo		Thời gian đào tạo	Nhóm ngành	Chuyên ngành đào tạo	Năm đăng ký cử đi đào tạo	Dự kiến năm tốt nghề nghiệp	Mức hỗ trợ sau tốt nghiệp	Đơn vị đăng ký
		Trong nước	Ngoài nước							
1	Thạc sĩ		x	2 năm	Nhóm ngành Khoa học xã hội	Chính sách công; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	2026	2028	800	Văn phòng Tỉnh ủy
2	Thạc sĩ		x	2 năm	Nhóm ngành Kinh tế, Luật	Quản trị kinh doanh hoặc Luật	2026	2028	800	Văn phòng Tỉnh ủy
3	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y được	CKII - Tai Mũi Họng	2026	2028	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
4	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y được	CKII – Da Liễu	2026	2028	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
5	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y được	CKII-Ngoại Chấn thương	2026	2028	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
6	Tiến sĩ	x		4 năm	Nhóm ngành Kinh tế, Luật	Kinh tế phát triển	2025	2029	243	Trường Chính trị tỉnh
7	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y được	CKII-Ung bướu	2027	2029	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
8	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y được	CKII-Ngoại Tổng quát	2027	2029	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
9	Thạc sĩ		x	03 năm	Nhóm ngành Y được	Y học cổ truyền	2027	2029	1300	Bệnh viện YDCT-PHCN tỉnh Kon Tum
10	Thạc sĩ		x	03 năm	Nhóm ngành Y được	Y học cổ truyền	2027	2029	1300	Bệnh viện YDCT-PHCN tỉnh Kon Tum
11	Tiến sĩ	x		5 năm	Nhóm ngành Y được	Y tế công cộng	2025	2030	430	Trường CD Y tế Đăng Thụy Trâm

T T	Đăng ký đi đào tạo trình độ	Đào tạo		Thời gian đào tạo	Nhóm ngành	Chuyên ngành đào tạo	Năm đăng ký cử đi đào tạo	Dự kiến năm tốt nghiệp	Mức hỗ trợ sau tốt nghiệp	Đơn vị đăng ký
		Trong nước	Ngoài nước							
12	Tiến sĩ	x		5 năm	Nhóm ngành Khoa học xã hội	Triết học	2025	2030	243	Trường Cao đẳng Kon Tum
13	Tiến sĩ	x		03 năm	Nhóm ngành Khoa học xã hội	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	2027	2030	243	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Kon Tum
14	Tiến sĩ	x		5 năm	Nhóm ngành Khoa học tự nhiên	Lý luận và phương pháp dạy học môn Toán	2025	2030	265	Trường Cao đẳng Kon Tum
15	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII - Nhi	2028	2030	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
16	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Da Liễu	2028	2030	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
17	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Y học cổ truyền	2028	2030	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
18	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII-Ngoại Chấn thương	2029	2031	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
19	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Nội Tim mạch	2029	2031	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
20	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Hồi sức cấp cứu	2029	2031	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
21	Tiến sĩ	x		5 năm	Nhóm ngành Y dược	Khoa học y sinh	2027	2032	430	Trường CĐ Y tế Đặng Thùy Trâm
22	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Lão khoa	2030	2032	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
23	CK II	x		03 năm	Nhóm ngành Y dược	CKII – Nội tiết	2030	2032	430	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum
TỔNG CỘNG									11.644	

Tổng số tiền: Mười một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu đồng./.

Số: /2025/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi

**Dự thảo
Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút; hỗ trợ công chức, viên chức là nguồn nhân lực chất lượng cao được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và hỗ trợ đào tạo đối với cán

bộ, công chức, viên chức được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước của tỉnh Quảng Ngãi.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Hỗ trợ đối với sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút vào làm việc trong các cơ quan Đảng; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã; cơ quan, tổ chức nhà nước cấp tỉnh, cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh); hỗ trợ cho công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP hoặc đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP đang công tác ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

2. Hỗ trợ đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh (sau đây viết tắt là cán bộ) được tuyển chọn cử đi đào tạo tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước và thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến.

3. Nghị quyết này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện hỗ trợ thu hút phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu của vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt hàng năm của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

2. Việc thực hiện hỗ trợ đào tạo sau đại học phải căn cứ vào vị trí việc làm gắn với công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đối tượng được hỗ trợ đào tạo sau đại học phải tham gia đào tạo các chuyên ngành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng của tỉnh tại các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng trong và ngoài nước.

3. Bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, công khai, minh bạch, khách quan, hiệu quả, đúng đối tượng, kịp thời, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

Chương II

HỖ TRỢ THU HÚT

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng khi tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (không bao gồm các cơ quan, đơn vị ngành y tế).

2. Công chức, viên chức đã được tuyển dụng theo chính sách thu hút tại Nghị định số 179/2024/NĐ-CP hoặc đáp ứng một trong các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 179/2024/NĐ-CP đang công tác ở ngoài tỉnh được tiếp nhận về công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ thu hút.

Điều 4. Hỗ trợ thu hút

1. Đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm hàng tháng với mức hỗ trợ 2,34 triệu đồng. Thời gian hưởng không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng.

2. Đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm hàng tháng với mức hỗ trợ 2,34 triệu đồng. Thời gian hưởng không quá 05 năm kể từ ngày có quyết định tiếp nhận.

Chương III

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Điều 5. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp xã dưới 40 tuổi; cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp xã dưới 35 tuổi.

3. Cán bộ cấp xã giữ chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và cán bộ cấp xã được quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân dưới 35 tuổi.

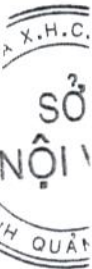
4. Công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

5. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học.

6. Chính sách này không áp dụng đối với

a) Các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo toàn phần từ các đề án, chương trình đào tạo của các bộ, ngành Trung ương.

b) Đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực (trừ các trường hợp đã được Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương cử đi đào tạo sau đại học đối với đối tượng được áp dụng theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về



xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến đang trong thời gian đào tạo và chưa được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định).

Điều 6. Điều kiện hỗ trợ

Được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau đại học theo quy định.

Điều 7. Mức hỗ trợ

1. Cán bộ được tuyển chọn và cử đi đào tạo tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước hoặc thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp được hỗ trợ một lần bằng tiền với mức hỗ trợ như sau:

TT	Đào tạo	Mức hỗ trợ		
		Nhóm ngành Y dược, Thể dục, Thể thao, Nghệ thuật	Nhóm ngành Khoa học tự nhiên (bao gồm cả ngành sư phạm), kỹ thuật công nghệ, nông, lâm, thủy sản	Nhóm ngành Khoa học xã hội (bao gồm cả ngành sư phạm), kinh tế, luật, khách sạn, du lịch và nhóm ngành khác
1	Tiến sĩ, chuyên khoa cấp II trong nước			
	Hỗ trợ chi phí học tập	350.000.000 đồng/khóa	193.000.000 đồng/khóa	191.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ thực hiện đề tài luận án tốt nghiệp	80.000.000 đồng/khóa	72.000.000 đồng/khóa	52.000.000 đồng/khóa
2	Tiến sĩ nước ngoài			
	Hỗ trợ chi phí học tập	2.500.000.000 đồng/khóa	2.000.000.000 đồng/khóa	1.500.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế bắt buộc	100.000.000 đồng/khóa	100.000.000 đồng/khóa	100.000.000 đồng/khóa
3	Thạc sĩ nước ngoài			
	Hỗ trợ chi phí học tập	1.250.000.000 đồng/khóa	1.000.000.000 đồng/khóa	750.000.000 đồng/khóa
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế bắt buộc	50.000.000 đồng/khóa	50.000.000 đồng/khóa	50.000.000 đồng/khóa

2. Các đối tượng đã được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo một phần từ các đề án, chương trình đào tạo của các bộ, ngành Trung ương sau khi hoàn

thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp được hỗ trợ 25% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các đối tượng tham gia chương trình liên kết đào tạo (thực hiện một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài), được cấp văn bằng của cơ sở giáo dục nước ngoài được hỗ trợ 50% mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Trách nhiệm, nghĩa vụ của người được hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Chấp hành nội quy, quy chế và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia khóa học; trường hợp đi đào tạo ở nước ngoài phải thực hiện trách nhiệm của người học theo pháp luật của nước sở tại và theo quy định hiện hành đối với cán bộ khi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

2. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

a) Trường hợp tự ý bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết theo quy định thì phải hoàn trả kinh phí đã được hỗ trợ theo công thức quy định tại điểm b khoản này.

b) Kinh phí hoàn trả được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

S là kinh phí hoàn trả;

F là số tiền hỗ trợ;

T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi hoàn thành khóa đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn;

T2 là thời gian đã phục vụ sau khi hoàn thành khóa đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

c) Điều kiện được giảm kinh phí hoàn trả

Mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% kinh phí hoàn trả. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% kinh phí hoàn trả.

d) Phương thức hoàn trả

Bộ phận tổ chức cán bộ (văn phòng) phối hợp với bộ phận tài chính – kế toán của cơ quan, đơn vị báo cáo Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trường hợp phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ và kiến nghị kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả theo quy định tại điểm a, b khoản này để Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, ban hành quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả.



Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả, đối tượng phải hoàn trả kinh phí hỗ trợ có trách nhiệm nộp trả đầy đủ kinh phí hoàn trả cho cơ quan, đơn vị đã chi trả hỗ trợ.

Trường hợp không thống nhất kinh phí hỗ trợ phải hoàn trả, các bên liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XIII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2025.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH